NHÌN LẠI 3 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 115/2005/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 80/2007/NĐ-CP Ở BỘ CÔNG THƯƠNG

*ThS NGUYỄN THỊ LA**

1. Kết quả triển khai thực hiện.

Thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05-9-2005 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học, công nghệ công lập (gọi tắt là Nghị định 115) và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19-5-2007 về doanh nghiệp khoa học công nghệ (gọi tắt là Nghị định 80) của Chính phủ, những năm qua, Bộ Công thương đã có nhiều biện pháp triển khai tích cực. Bộ đã tổ chức quán triệt các nội dung quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học, công nghệ (KH,CN) công lập và doanh nghiệp KH,CN theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 12/2006/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 05-6-2006 và Thông tư 06/2008/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 18-6-2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ đến các viện, trung tâm nghiên cứu KH,CN trực thuộc Bộ, tổng công ty (TCT) 90, 91 và các tập đoàn kinh tế thuộc Bộ.

Trong tổng số 25 viện nghiên cứu thuộc Bộ Công thương, hiện có 2 tổ chức KH,CN (Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp và Viện Nghiên cứu thương mại) hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước không thuộc diện bắt buộc chuyển đổi; 2 viện đã thực hiện thí điểm chuyển sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp KH,CN (Viện Máy và dụng cụ công nghiệp và Viện Kinh tế kĩ thuật thuốc lá). Còn lại 21 viện thuộc diện chuyển đổi theo Nghị định 115; trong đó, có 7 viện trực thuộc Bộ và 14 viện trực thuộc các tập đoàn kinh tế và TCT.

Trên cơ sở đề án được phê duyệt, các viện thuộc diện chuyển đổi đã sớm triển khai thực hiện. Tính đến hết năm 2008, trong tổng số 21 viện trực thuộc Bộ, TCT 90, 91, tập đoàn kinh tế của Bộ thuộc diện chuyển đổi, đã có 18 viện thực hiện chuyển đổi. Còn lại 3 viện chưa thực hiện chuyển đổi (Viện Khoa học công nghệ Mỏ - TKV thuộc diện chuyển sang hoạt động thí điểm mô hình công ty mẹ - công ty con thành doanh nghiệp KH,CN, Viện Cơ khí năng lượng và Mỏ - TKV thuộc diện thí điểm cổ phần hóa, Viện Thời trang đang đang tổ chức sắp xếp lại).

Về thực hiện chuyển đổi theo mô hình tổ chức KH,CN công lập theo Nghị định 115, nhìn chung qua 3 năm triển khai thực hiện, hoạt động KH,CN của các viện đã có những chuyển biến tích cực. Bước đầu các viện đã cơ cấu, hoàn thiện về tổ chức, trung bình mỗi viện có từ 150-180 cán bộ, công nhân viên (CB,CNV). Cá biệt có những viện có số lượng CB,CNV lớn như Viện Dầu khí: 520 người, Viện Khoa học công nghệ Mỏ - TKV: 386 người. Sau khi thực hiện chuyển đổi, các viện đã chủ động tìm kiếm công việc hợp đồng, tự điều chỉnh nhân sự, công việc theo yêu cầu, nhiệm vụ, không ỷ lại trông chờ vào kinh phí của Nhà nước và nhiệm vụ giao của cấp trên. Tài sản của các viện, năm sau cao hơn năm trước, bình quân mỗi viện khoảng 65 tỉ đồng.

* Học viện Hành chính.

Riêng Viện Dầu khí: 229,8 tỉ đồng, Viện Khoa học công nghệ Mỏ - TKV: 200 tỉ đồng. Tổng nguồn thu của các viện trong 3 năm tăng lên 1,8 lần (năm 2006: 1.065,448 tỉ đồng, năm 2007: 1.688,864 tỉ đồng, năm 2008 ước khoảng 1.950,983 tỉ đồng); trong đó, nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế - kĩ thuật trung bình hàng năm chiếm trên 50% tổng nguồn thu của các viện. Thu nhập bình quân của CB,CNV ngày càng tăng, góp phần đảm bảo đời sống cho người làm công tác nghiên cứu khoa học, sản xuất từng bước ổn định (trong khi đó, nguồn thu từ ngân sách và cơ quan chủ quản cấp bình quân hàng năm rất ít và có xu hướng giảm dần, từ 8,7% tổng nguồn thu năm 2006 xuống còn 6,4% năm 2008). Đồng thời đã tạo được sự gắn kết giữa kết quả nghiên cứu khoa học với sản xuất - kinh doanh, phát huy được tiềm năng về cơ sở vật chất KH,CN, nguồn nhân lực và nguồn vốn để hình thành mô hình hoạt động mới, đa chức năng, đa mục tiêu, đa ngành nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, trên cơ sở đó, bước đầu các cơ sở nghiên cứu khoa học đã tiếp cận làm quen với thị trường.

Việc kết hợp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất ngày càng thích ứng với đòi hỏi của cơ chế thị trường. Một số các sản phẩm của đề tài nghiên cứu ứng dụng các công trình tư vấn thiết kế, chế tạo thiết bị chuyên dụng và một số sản phẩm đang dần dần được đưa vào sản xuất, từng bước chiếm lĩnh thị trường. Các viện cũng đã từng bước phát huy tính tự chủ, năng động và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân. Trên cơ sở phân công, phân cấp, cán bộ lãnh đạo các đơn vị đã chủ động đối với công việc được giao. Từng bước khẳng định rõ trách nhiệm của lãnh đạo viện và tập thể người lao động, bước đầu xóa bỏ được tư tưởng bao cấp, chờ đợi. Cũng trên cơ sở chuyển đổi, các cơ chế quản lý dần dần được bổ sung hoàn thiện bằng những quy định rõ ràng, minh bạch hơn, kinh phí cho hoạt động KH,CN được sử dụng hiệu quả hơn.

Về thực hiện chuyển đổi theo mô hình doanh nghiệp KH,CN thuộc Nghị định 80 đã tạo cơ sở pháp lý và là giải pháp mang tính đột phá giúp các tổ chức nghiên cứu có thể thành lập doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh kết hợp với nghiên cứu, đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm hàng hóa - kết quả KH,CN, phát triển thị trường công nghệ, đồng thời tạo ra những biến chuyển trong việc hình thành những doanh nghiệp quy mô lớn về KH,CN. Trước đây, khi chưa có Nghị định 80, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho áp dụng thí điểm chuyển một số viện nghiên cứu (Viện Máy và dụng cụ công nghiệp, trực thuộc Bộ và Viện Kinh tế kĩ thuật thuốc lá trực thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam) sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp KH,CN. Viện Máy và dụng cụ công nghiệp trực thuộc Bộ chuyển sang hoạt động thí điểm theo mô hình doanh nghiệp KH,CN từ năm 2002 theo Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 08-02-2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm loại hình tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và Quyết định số 14/2004/QĐ-TTg ngày 29-01-2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép Viện Máy và dụng cụ công nghiệp chuyển thành doanh nghiệp hoạt động khoa học và công nghệ. Hiện nay, Viện này đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; trong đó, công ty mẹ là công ty nhà nước có Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy điều hành. Công ty mẹ có các phòng, ban trực thuộc, 12 đơn vị nghiên cứu khoa học với tổng vốn điều lệ là 56,7 tỉ đồng, 4 công ty con có vốn góp trên 50%; 9 công ty liên kết góp vốn dưới 50%. Tổng số lao động của cả công ty mẹ và công ty con là 1.480 người. Đối với Viện Kinh tế kĩ thuật thuốc lá được thí điểm chuyển thành doanh nghiệp KH,CN theo Quyết định số 26/2006/QĐ-TTg ngày 05-9-2006 của Thủ tướng Chính phủ. Mô hình tổ chức của Viện này là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, gồm Chủ tịch Viện, Viện trưởng, kiểm soát viên và

bộ máy giúp việc với vốn điều lệ là 32 tỉ đồng. Hoạt động sản xuất - kinh doanh của 2 viện bước đầu đều đạt kết quả tốt. Doanh thu năm sau tăng hơn năm trước, nộp ngân sách tăng gấp 2-3 lần. Năm 2008, nộp ngân sách của 2 viện ước đạt trên 2 tỉ đồng. Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ trên đại học đều bảo đảm yêu cầu của Bộ và các cơ quan nhà nước.

Nhìn chung, qua 3 năm triển khai thực hiện Nghị định 115 và Nghị định 80, ở Bộ Công thương, đã mở ra những cơ hội, cơ chế khuyến khích để các tổ chức KH,CN hoạt động thuận lợi, tuy nhiên vẫn còn thiếu những cơ chế đồng bộ, do đó, khi triển khai còn một số vướng mắc chưa giải quyết triệt để. Cụ thể:

- Đối với các viện nghiên cứu KH,CN sau khi chuyển đổi theo Nghị định 115 được quyền tự chủ về nghiên cứu, sản xuất, tài sản, tài chính, kinh doanh, về tổ chức cán bộ... Tuy nhiên, khi triển khai, việc vay vốn tín dụng ngân hàng, việc giao quyền tự chủ về tài chính đất đai còn chậm. Việc hỗ trợ kinh phí, kể cả kinh phí hỗ trợ của Nhà nước khi chuyển đổi chưa kịp thời. Kinh phí bổ sung nguồn nhân lực để khuyến khích, động viên cán bộ nghiên cứu khoa học còn hạn hẹp. Tư tưởng bao cấp vẫn còn trong suy nghĩ của một số cán bộ khoa học. Giữa các bộ và cơ quan quản lý tại địa phương chưa có sự phối hợp chặt chẽ. Việc hướng dẫn đăng kí kinh doanh, đăng kí hoạt động KH, CN, khắc đổi và quản lý con dấu chưa kịp thời, thống nhất cho các tổ chức hoạt động KH,CN khi thực hiện chuyển đổi. Công tác quán triệt và thực hiện các quy định trong việc tăng cường quyền và phân cấp giữa các viện chưa thực hiện đúng như quy định của Nghị định 115 (ví dụ như thủ tục đi nước ngoài, thành lập mới các đơn vị sản xuất - kinh doanh. Mặt khác, do cơ chế trả lương đối với loại hình viện (đơn vị sự nghiệp có thu), bước đầu còn có những hạn chế, do đó, chưa khuyến khích được đội ngũ cán bộ khoa học, nhất là đội ngũ cán bộ khoa học trẻ và cán bộ mới ra trường. Còn có hiện tượng chảy máu chất xám, không thu hút được nguồn nhân lực bổ sung có trình độ cao.

Mô hình tổ chức của các tổ chức KH,CN sau khi chuyển đổi chưa rõ. Hiện tại, cơ chế hoạt động của các tổ chức KH,CN công lập vẫn thực hiện theo cơ chế đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm một phần hoặc bảo đảm toàn phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Các sản phẩm KH,CN làm ra khó bán, tiêu thụ chậm, do thị trường KH,CN ở nước ta còn nhỏ, chưa phát triển. Đối với một số viện có tài sản là các thiết bị nghiên cứu khoa học, các phòng thí nghiệm, các kết quả nghiên cứu đề tài... cần có cơ chế cụ thể khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần.

- Đối với 2 viện hoạt động theo Nghị định 80, do thí điểm chuyển sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp KH,CN tại thời điểm chuyển đổi chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nên việc triển khai khó khăn, không đồng bộ. Mô hình hoạt động của 2 viện được thí điểm theo hai cách khác nhau.

2. Một số ý kiến đề xuất.

Trong những năm tới, để thực hiện hiệu quả hơn cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH,CN công lập và doanh nghiệp KH,CN theo Nghị định 115 và Nghị định 80, cần tiếp tục hoàn thiện một số vấn đề sau:

Một là, về chính sách, cần có quy định cụ thể về cơ chế ưu đãi đối với những viện đang thực hiện theo Nghị định 115 sang loại hình doanh nghiệp KH,CN theo Nghị định 80. mặt khác, cần có sự thống nhất trong việc hướng dẫn thực hiện các cơ chế quy định trong Nghị định 115 nhằm bảo đảm các viện sau khi chuyển đổi thực sự phát huy được quyền của mình trong việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH,CN công lập phù hợp với quy định của pháp luật (ví dụ như việc đăng kí kinh doanh, đăng kí hoạt động KH,CN, khắc dấu, thủ tục cử cán bộ đi công tác nước ngoài...).

Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ về vốn và hỗ trợ kinh phí giải quyết lao động, mở rộng sản xuất - kinh doanh, kéo dài thời gian hỗ trợ nguồn kinh phí thường xuyên sau thời gian chuyển sang hoạt động theo Nghị định 115.

Hai là, về một số vấn đề khác.

- Đối với các viện trực thuộc tập đoàn kinh tế, TCT 90, 91 cần xác định rõ mô hình, cơ cấu tổ chức của viện, gắn với mô hình tổ chức của công ty mẹ để triển khai thực hiện đồng bộ, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và có cơ chế tháo gỡ khó khăn khi chuyển đổi.

- Đối với các viện chuyển doanh nghiệp KH,CN và áp dụng mô hình công ty cổ phần, cần có cơ chế riêng về quy định vốn điều lệ, về giá trị phần vốn nhà nước, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước sau khi chuyển sang công ty cổ phần, về xác định giá trị doanh nghiệp (cơ chế xác định giá trị phòng thí nghiệm, đất đai, tài sản, kết quả công trình nghiên cứu khoa học...), về mua cổ phần ưu đãi, xác định cổ đông chiến lược, cổ đông phiếu vàng, các ưu đãi về thuế...

Qua thực tế chuyển đổi các viện thuộc Bộ Công thương theo Nghị định 115 và Nghị định 80 trong thời gian qua, có thể khẳng định: các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước đã ban hành về lĩnh vực KH,CN thực sự đã đem lại động lực to lớn cho việc củng cố và phát triển các tổ chức KH,CN. Thúc đẩy các viện thuộc Bộ tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần phát triển ngành Công thương và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kì hội nhập❑

Nguồn: Bộ Công thương - Báo cáo sơ kết thực hiện chuyển đổi tổ chức khoa học, công nghệ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 26-12-2008.

* * * * * * * * * * *

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC ĐỀN BÙ...

(Tiếp theo trang 27)

bất động sản và là nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng giàu có lên một cách khá nhanh chóng của một số hộ ở vùng ven đô với một lượng tiền lớn tự nhiên có được do đầu tư của Nhà nước, do chuyển từ ngoại thành vào nội thành chứ không phải do công sức của mình tạo ra, dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội.

Phương án 2: Khi giải toả thu hồi đất, có thể thu hồi đất rộng hơn phần đất cần thiết để xây dựng hạ tầng (ví dụ: đường giao thông), Nhà nước có thể khai thác phần đất giáp hạ tầng theo quy hoạch. Ví dụ, một con đường dự kiến lộ giới 50 m thì phải lên kế hoạch thu hồi 150 m, Nhà nước sẽ quy hoạch hai bên đường, lập dự án tái thiết xây dựng các khu chung cư trên phần đất lấy sâu đó với hệ thống các đường nội bộ. Các căn hộ chung cư này chính là chỗ dành cho việc tái định cư cho người dân bị thu hồi đất. Phần còn lại có thể bán hoặc cho thuê. Với cách làm này, có thể thấy rõ các ưu điểm: *thứ nhất*, việc khai thác đất hai bên đường có thể bù đắp được chi phí cho dự án gồm cả tiền làm đường lẫn tiền bồi thường; *thứ hai*, không xảy ra bất công bằng trong thu hồi đất vì không xảy ra trường hợp người có đất trước đây ở mặt tiền hay thuộc lộ giới thì mất hết, người trước đây ở phía sau nay lại được ra mặt tiền và được giá đất tăng lên rất cao; *thứ ba*, hai bên đường sẽ được quy hoạch lại hiện đại, không thể có những nhà siêu mỏng như hiện nay.

Theo hai phương án trên, thực chất *phương án 1* rất khó thu khoản thuế thu nhập bổ sung, đồng thời người bị chuyển đi thường quyền lợi không được đảm bảo nên sinh khiếu kiện, còn *phương án 2*, có thể thấy rõ, hiệu quả là khắc phục được bất hợp lý lâu nay trong công tác đền bù giải toả❑